| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIA LÂM**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 124/2023/DS-ST
Ngày 12/9/2023
*V/v*: "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Quang Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/8/2023 và 12/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST-DS ngày 14/4/2023 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-DS ngày 11/8/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Chị Tân Thu H** - sinh năm 1987; địa chỉ: Phố B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Bị đơn:*** **Ông Tân Văn A** - sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Tân Văn A:* Chị Tân Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. **Bà Tân Thị M** - sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

2. **Bà Tân Thị L1** - sinh năm 1959; địa chỉ: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

3. **Anh Tân Văn V** - sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

**4. Anh Tân Văn H1** - sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

5. **Bà Lê Thị B** - sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

6. **Chị Tân Thị Thu H2** - sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

7. **Chị Tân Thị H3** - sinh năm 1983; địa chỉ: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; xin vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị H2, bà M, bà L1, anh V và anh H1:* Chị Tân Thu H; địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn - chị Tân Thu H trình bày như sau:*

Về quan hệ huyết thống: Ông nội tôi là Tân Văn C; chết năm 2007; bà nội tôi là Nguyễn Thị G, chết ngày 26/12/2017. Ông bà tôi sinh được 05 người con gồm: Bố tôi Tân Văn G1, cô Tân Thị M, cô Tân Thị L1, chú Tân Văn A và cô Tân Thị D. Cô Tân Thị D là liệt sĩ năm 1972.

Bố tôi chết ngày 18/01/2022, có vợ là bà Lê Thị B và các con gồm: Chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1.

- Về di sản thừa kế: Ông bà tôi là chủ sử dụng đối thửa đất mang tên Nguyễn Thị G, ông Tân Văn C (đã chết) diện tích 236m$^2$ thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Năm 2019, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1 đã khởi kiện ông Tân Văn A

yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà nội tôi để lại. Và tại bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020, Tòa án nhân dân huyện G đã xét xử sơ thẩm. Đến ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm và quyết định:

"….

*+ Phần diện tích 78m$^2$ đất là di sản của cụ G thuộc quyền sử dụng chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm các ông bà G1, A, M, L1 có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 20, 7, 8, 9, 10, 20. Tạm giao cho ông Tân Văn A quản lý và sử dụng phần diện tích đất trên cho đến khi có sự thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G hoặc khi có quyết định của Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên. (Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)".*

Nay, tôi yêu cầu Tòa án xét xử chia thừa kế di sản của bà nội tôi để lại là: 78m$^2$ đất tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

** Bị đơn - ông Tân Văn A và người đại diện theo ủy quyền là chị Tân Thị L trình bày như sau:*

- Về quan hệ huyết thống: Thống nhất với lời trình bày của bên nguyên đơn.

- Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, có diện tích 236m$^2$ địa chỉ tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử và phân chia thừa kế. Nay, bị đơn nhất trí chia thừa kế theo pháp luật và xin được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Tân Thị M và bà Tân Thị L1, chị Tân Thị Thu H2, anh Tân Văn V, anh Tân Văn H1 trình bày tại Tòa án như sau:* Các bà thống nhất ủy quyền cho chị Tân Thu H và thống nhất với quan điểm của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của cụ G để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Tân Thị H3 trình bày:* Nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa hôm nay*:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị chia bằng hiện vật. Quan điểm của bà M và bà L1 tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông G1.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhất trí chia thừa kế di sản của cụ G

và xin được hưởng bằng hiện vật.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện G thụ lý vụ án là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ và đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 658 BLDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tân Thu H về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Thị G để lại là: Thửa đất số 29, TBĐ số 03 Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội có diện tích 78m$^2$.

- Ông Tân Văn G1, ông Tân Văn A, bà Tân Thị M, bà Tân Thị L1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là: 19,5m2 x 30.000.000 đồng/m$^2$ = 585.000.000 đồng.

- Ghi nhận việc bà M, bà L1 nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông G1.

- Ghi nhận việc ông Ất không yêu cầu ai phải thanh toán giá trị công trình, cây trên đất. Khi chia, đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế cho ai bằng tiền hay hiện vật căn cứ vào nhu cầu và hiện trạng sử dụng đất của từng người nhận di sản thừa kế. Nếu người nào được hưởng hiện vật vượt quá giá trị kỷ phần mà mình được hưởng thì phải có trách nhiệm thanh toán phần giá trị vượt quá cho người khác.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 06/4/2023, chị Tân Thu H nộp đơn khởi kiện đối với ông Tân Văn A, trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, Hà Nội về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị G để lại

là 78m$^2$ đất, tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, Hà Nội. Đây là vụ án dân sự về việc: ***Tranh chấp về thừa kế tài sản*** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Cụ Nguyễn Thị G chết năm 2017 nên thời điểm mở thừa kế di sản của cụ G để lại là năm 2017. Ngày 06/4/3023, chị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G để lại. Như vậy, chị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3]. Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Chị Tân Thu H là người khởi kiện nên là nguyên đơn. Ông Tân Văn A là người bị kiện nên là bị đơn. Bà Tân Thị M, bà Tân Thị L1 (là con của cụ G); bà Lê Thị B (là vợ của ông G1), chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1 (là các con của ông G1) là những người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

*** Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị G để lại là 78m$^2$ đất, tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

[4]. Về quan hệ huyết thống: Các đương sự cùng thống nhất như sau: Cụ Tân Văn C chết năm 2007 và vợ là cụ Nguyễn Thị G chết ngày 26/12/2017 sinh được 05 người con chung là: Ông Tân Văn G1, sinh năm 1945; ông Tân Văn A, sinh năm 1948; bà Tân Thị M, sinh năm 1951; bà Tân Thị L1, sinh năm 1959; bà Tân Thị D chết năm 1972 (là liệt sĩ, khi chưa có chồng con). Ông Tân Văn G1 chết ngày 18/01/2022 vợ là bà Lê Thị B và các con là chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1. Ngoài ra, cụ G không có người con nuôi, con riêng nào khác.

[5]. Về hàng thừa kế: Ngày 26/12/2017, cụ Nguyễn Thị G chết, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ G gồm có 4 người con là các ông bà Tân Văn G1, ông Tân Văn A, bà Tân Thị M, bà Tân Thị L1. Bà Tân Thị D là liệt sỹ, hy sinh năm 1972 (trước khi cụ G chết), không có chồng con nên không được hưởng thừa kế di sản của cụ G. Ông G1 chết ngày 18/01/2022, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông G1 gồm:

Bà Lê Thị B, chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân

Văn V và anh Tân Văn H1.

[6]. Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất tài sản cụ G để lại là 78m$^2$ đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đã được phân chia thừa kế theo bản án dân sự phúc thẩm số 239/2021/DS-PT ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

"….

*+ Phần diện tích 78m$^2$ đất là di sản của cụ G thuộc quyền sử dụng chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm các ông bà G1, A, M, L1 có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 20, 7, 8, 9, 10, 20. Tạm giao cho ông Tân Văn A quản lý và sử dụng phần diện tích đất trên cho đến khi có sự thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G hoặc khi có quyết định của Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên.(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)"*

Nay, các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của cụ G lại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Xác định kỷ phần thừa kế: Như đã nhận định ở trên, hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm 04 người nên diện tích 78m$^2$ đất trên được chia thành 04 kỷ phần bằng nhau.

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thể hiện: 01m$^2$ đất có giá trị là 30.000.000 đồng. Tổng giá trị 78m$^2$ đất là 2.340.000.000 đồng; mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng giá trị là 585.000.000 đồng (tương đương 19,5m$^2$ đất).

[8]. Phân chia di sản thừa kế:

[8.1]. Tại Tòa án, các đương sự yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà M, bà L1 tự nguyện thống nhất nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông G1 nên ghi nhận. Như vậy, ông G1 sẽ được nhận 03 kỷ phần thừa kế trị giá 1.755.000.000 đồng (tương đương 58,5m$^2$ đất).

[8.2]. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông A được chia 19,5m$^2$ đất nên nếu chia bằng hiện vật cho ông A sẽ không đảm bảo diện tích tối thiểu khi tách thửa theo quy định của UBND thành phố Hà Nội. Vì vậy, cần giao cho ông G1 được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất có diện tích 78m$^2$ và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị 19,5m$^2$ đất = 585.000.000 đồng cho ông A là có căn cứ. Nay, ông G1

đã chết nên vợ và các con của ông G1 được nhận thay kỷ phần thừa kế của ông G1 được hưởng và thanh toán chênh lệch giá trị cho ông A.

[9]. Trên phần diện tích đất ông G1 được chia có: 01 cây ổi, 01 cây Sung; 01 Cây Sưa các đương sự không yêu cầu định giá và không yêu cầu thanh toán giá trị nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[10]. Về án phí:

[10.1]. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[10.2]. Bà B, chị H, chị H2, chị H3, anh H1, anh V, mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 64.650.000đ : 6 = 10.775.000 đồng;

[10.3]. Do ông A là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tung dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 1326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tân Thu H đối với ông Tân Văn A về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị G để lại.

2. Cụ Nguyễn Thị G chết năm 2017, hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm có 04 người con là các ông bà Tân Văn G1, Tân Văn A, Tân Thị M và Tân Thị L1. Ông Tân Văn G1 chết năm 2022, hàng thừa kế thứ nhất của ông G1 gồm có: Bà Lê Thị B, chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh

Tân Văn H1.

4. Di sản thừa kế của cụ G là 78m$^2$ đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội trị giá 2.340.000.000 đồng.

5. Chia thừa kế như sau:

5.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các bà Tân Thị M và Tân Thị L1 nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Tân Văn G1.

5.2. Chia cho ông Tân Văn G1 (do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Lê Thị B, chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1 nhận thay) được quyền quản lý, sử dụng 78m$^2$ đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Q, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội *(có vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án)*;

5.3. Ông Tân Văn G1 (do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Lê Thị B, chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1 đại diện) phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Tân Văn A số tiền 585.000.000 đồng;

5.3. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án.

6. Về án phí:

6.1. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tân Văn A;

6.2. Bà Lê Thị B, chị Tân Thị Thu H2, chị Tân Thị H3, chị Tân Thu H, anh Tân Văn V và anh Tân Văn H1, mỗi người phải chịu 10.775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tân Thu H đã nộp 4.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự theo BL số 0073650 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; nay, chị H còn phải nộp tiếp số tiền là: 6.375.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.*

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi Cục THA DS huyện G;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang Dũng**